

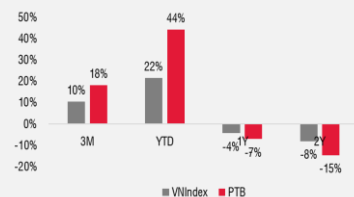
Công ty Cổ phần Phú Tài (PTB: HOSE)

Ngày báo cáo: 05/09/2023
NGÀNH: NGUYÊN VẬT LIỆU
CVPTCC: Ngô Thị Kim Thanh
Email: thanhntk@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688 ext. 3053

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**
Giá mục tiêu 1Y: **61.600 Đồng**
Giá CP ngày 31/08/2023: 57.800 Đồng
% Tăng giá: **+6,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 160,5
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 3.869
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 66,9
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 613.045
Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 62,3/33,7
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 32,0
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 18,65
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Phú Tài được thành lập năm 1994, trực thuộc Quận khu 5, Bộ Quốc phòng. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và chế biến đồ gỗ, sản xuất đá granite và kinh doanh xe Toyota. PTB niêm yết trên sàn HOSE vào tháng 5 năm 2011. PTB sở hữu 10 mỏ đá granit tại Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Nông, Yên Bái với tổng công suất 1.668 triệu m² / năm và 1 mỏ đá xây dựng với công suất 620.000 m³ / năm. PTB sở hữu 4 nhà máy sản xuất gỗ tại Bình Định và Đồng Nai với tổng công suất 7.400 m³ / năm.

Lợi nhuận dự kiến phục hồi từ nửa cuối năm 2023

PTB đạt mức tăng trưởng cao hơn ngành gỗ nhờ các khách hàng lớn (Masterband và Melissa & Doug). Ngoài ra, lợi nhuận sản xuất gỗ của công ty ổn định phản ánh năng suất lao động được tối ưu hóa – giúp biên lợi nhuận gộp từ gỗ cao hơn 3% - 4% so với mức trung bình ngành. Theo ước tính của chúng tôi, lãi suất giảm 1% sẽ giúp lợi nhuận trước thuế của PTB tăng 2%. Chúng tôi nhận thấy lợi nhuận của PTB đã chạm đáy trong Q2/2023, tuy nhiên sự phục hồi không mạnh vào năm 2024. PTB đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2023 và 2024 lần lượt là 10,2x và 9,05x, thấp hơn so với các công ty cùng ngành (11x). Chúng tôi áp dụng hệ số P/E bình quân cho ngành gỗ là 11x và ngành đá là 10x và đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm cho cổ phiếu PTB là **61.600 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 6,6%). Chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu PTB.

Doanh thu và lợi nhuận giảm mạnh trong Q2/2023. PTB ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,4 nghìn tỷ đồng (giảm 22,3% svck) và 106,6 tỷ đồng (giảm 32,9% svck) trong Q2/2023. Trong đó, doanh thu từ mảng gỗ (trong đó 65%-70% doanh thu đến từ thị trường Mỹ) giảm 26,5% svck, do nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm gỗ trong nhà và ngoài trời tại thị trường Mỹ giảm do áp lực lạm phát; Mảng đá (chiếm 32% tổng doanh thu) đạt 489 tỷ đồng doanh thu trong Q2/2023 (tăng 18,4% svck).

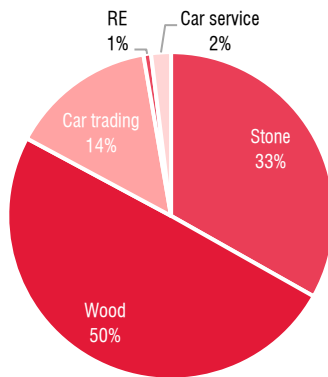
Lợi nhuận dự kiến sẽ phục hồi từ nửa cuối năm 2023. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong nửa cuối năm 2023 dự kiến giảm 5,3% và tăng 21% svck đạt lần lượt 3,06 nghìn tỷ đồng và 306 tỷ đồng. Trong đó, xuất khẩu đá thạch anh sang thị trường Mỹ dự kiến tăng 25% svck trong nửa cuối năm 2023 từ các đơn đặt hàng cao hơn; Xuất khẩu gỗ dự báo tăng 8% svck.

Hoạt động xuất khẩu gỗ dự kiến sẽ phục hồi trong năm 2024. PTB có lợi thế là có chứng nhận FSC cung cấp 70% gỗ nguyên liệu từ nguồn cung trong nước, theo đó chúng tôi kỳ vọng PTB sẽ tiếp tục giành được thị phần. Chúng tôi dự báo doanh thu từ gỗ sẽ đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (tăng 18% svck). Biên lợi nhuận gộp dự kiến ở mức 23% (tăng 3% svck) do nhà máy Nội thất gỗ Phú Mỹ sẽ hoạt động với 65% công suất so với mức trung bình 55% trong năm 2023.

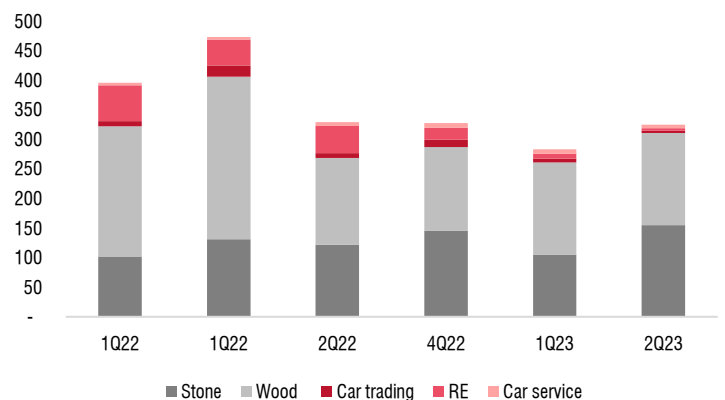
Trong Q2/2023, PTB đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 1,4 nghìn tỷ đồng (giảm 22,3% svck) và 106,6 tỷ đồng (giảm 32,9% svck). KQKD Q2 cao hơn chúng tôi kỳ vọng nhờ doanh thu xuất khẩu khá ổn định.

- Hoạt động sản xuất gỗ (chiếm 49,7% tổng doanh thu) ghi nhận doanh thu theo quý thấp nhất kể từ Q2/2020.** Doanh thu từ mảng gỗ (trong đó 65%-70% doanh thu đến từ thị trường Mỹ) giảm 26,5% svck do nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm gỗ trong nhà và ngoài trời tại thị trường Mỹ sụt giảm do áp lực lạm phát. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lợi nhuận mảng gỗ của công ty tốt hơn ngành, chủ yếu là do: (1) PTB có chứng chỉ FSC chứng minh xuất xứ gỗ nên tủ, ngăn kéo gỗ xuất khẩu sang Mỹ không bị áp thuế chống bán phá giá và do đó đã chiếm một phần thị phần từ các đối thủ cạnh tranh khác có nhà máy tại Việt Nam; (2) Sản phẩm gỗ cùng loại của Trung Quốc hiện đang chịu mức thuế từ 4,37% đến 262,18%; (3) Công suất sản xuất cao hơn giúp PTB có biên lợi nhuận cao hơn mức trung bình ngành. Trong Q2/2023, biên lợi nhuận gộp của PTB ở mức 21% (giảm 6,3% svck) do giá trung bình của sản phẩm xuất khẩu giảm 5% svck.
- Sản xuất đá (chiếm 32% tổng doanh thu) đạt 489 tỷ đồng doanh thu trong Q2/2023 (tăng 18,4% svck).** Nhu cầu đá thạch anh của Mỹ tăng cao do Bộ Thương mại Mỹ cũng áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm đá thạch anh nhập khẩu từ Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ, với mức thuế chống bán phá giá dao động từ 2,67% đến 5,15% đối với doanh nghiệp Ấn Độ, và từ 0% đến 5,17% đối với doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay, Nhà máy Đá thạch anh Đồng Nai đang đi vào hoạt động tối đa công suất là 200.000 tấn và sẽ mở rộng lên 450.000 tấn vào Q3/2023. Biên lợi nhuận gộp mảng đá đạt 32% (đi ngang svck).
- Kinh doanh ô tô (chiếm 14% tổng doanh thu) không cải thiện svck.** Doanh thu mảng ô tô đạt 213 tỷ đồng trong Q2/2023 (giảm 40,8% svck) do nhu cầu trong nước yếu. Biên lợi nhuận gộp chỉ ở mức 2%.
- PTB tiếp tục ghi nhận phần còn lại của dự án Phú Tài Residence.** Trong Q2/2023, PTB ghi nhận 21 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận gộp đạt 7 tỷ đồng từ dự án Phú Tài Residence. Hàng tồn kho tại dự án Phú Tài Residence đạt 245 tỷ đồng cuối quý 2.

Cơ cấu doanh thu của PTB trong Q2/2023



Lợi nhuận gộp theo mảng hoạt động từ Q1/2023-Q2/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: PTB, SSI Research

Doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong nửa cuối năm 2023 dự kiến giảm 5,3% và tăng 21% svck đạt lần lượt 3,06 nghìn tỷ đồng và 306 tỷ đồng, nhờ các yếu tố sau:

- Xuất khẩu đá thạch anh sang thị trường Mỹ dự kiến tăng 25% svck trong nửa cuối năm 2023 nhờ số lượng đơn đặt hàng cao hơn;
- Xuất khẩu gỗ dự báo tăng 8% svck. Chúng tôi lưu ý rằng các đơn hàng sản xuất gỗ đã được ký đến tháng 12/2023 với thời gian đặt hàng được rút ngắn xuống còn khoảng 2-3 tháng so với khoảng 5-6 tháng trong năm 2022.
- Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận gộp mảng bất động sản nửa cuối năm 2023 lần lượt là 32 tỷ đồng (giảm 79% svck) và 7 tỷ đồng.

Triển vọng

Trong năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng dự báo lần lượt đạt 6 nghìn tỷ đồng (tăng 13% svck) và 456 tỷ đồng (tăng 9% svck). Với mức giá hiện tại, P/E năm 2024 là 9,05x, thấp hơn so với các công ty cùng ngành là 11x. Tăng trưởng lợi nhuận ròng có thể sẽ thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần do dự kiến mảng bất động sản không có khoản thu nào được ghi nhận trong năm 2024.

- **Nhu cầu về sản phẩm gỗ dự kiến sẽ phục hồi trong năm 2024.** PTB có lợi thế là có chứng nhận FSC cung cấp 70% gỗ nguyên liệu từ nguồn cung trong nước nên chúng tôi kỳ vọng PTB sẽ tiếp tục giành được thị phần. Ngoài ra, PTB nhận định các khách hàng lớn (Masterband, Melissa & Doug) - các nhà bán lẻ đồ gỗ nội/ngoại thất đã phục hồi nhanh hơn so với nhóm khách hàng là các dự án bất động sản.

Chúng tôi dự báo doanh thu từ gỗ sẽ đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (tăng 18% svck). Biên lợi nhuận gộp dự kiến ở mức 23% (tăng 3% svck), do nhà máy Nội thất gỗ Phú Mỹ sẽ hoạt động với 65% công suất so với mức trung bình 55% vào năm 2023 và giá bán trung bình tăng 3-5% svck.

- **Doanh thu đá dự kiến tăng 10% svck do:** (1) Nhà máy Thạch anh Đồng Nai tăng gấp đôi công suất, giúp tận dụng thuế suất 0% khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ, so với các đối thủ đến từ Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ; (2) PTB dự kiến sẽ đầu tư cung cấp đá cho các dự án cơ sở hạ tầng như cung cấp đá granit hoặc đá cẩm thạch cho sân bay Tân Sơn Nhất và đá ốp lát cho các dự án cơ sở hạ tầng tại địa phương. Biên lợi nhuận gộp dự kiến là 32% (tăng 2% svck).
- Không ghi nhận doanh thu bất động sản trong năm 2024.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu						
Đá	1.496	1.435	1.441	1.711	1.482	1.627
Gỗ	2.091	2.988	3.436	3.382	2.748	3.233
Ô tô	1.805	1.147	1.010	1.261	975	1.023
BĐS			511	405	70	70
Tổng doanh thu	5.549	5.601	6.494	6.889	5.368	6.045
LNTT						
Đá	355	237	239	283	245	269
Gỗ	150	222	282	277	226	266
Ô tô	37	-3	10	15	14	14
BĐS			103	103	14	14
Tổng LNTT	550	462	650	614	417,9	455,7

Nguồn: PTB, SSI Research

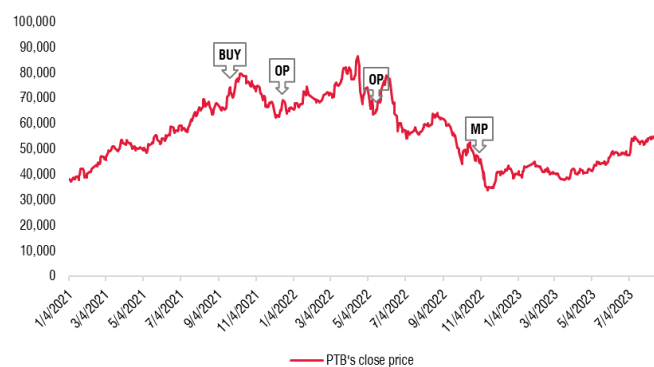
Luận điểm đầu tư

PTB đạt mức tăng trưởng cao hơn ngành gỗ nhờ có lượng khách hàng lớn (Masterband và Melissa & Doug). Ngoài ra, lợi nhuận ổn định của công ty phản ánh năng suất lao động được tối ưu hóa – giúp biên lợi nhuận gộp từ gỗ cao hơn 3% - 4% so với mức trung bình ngành. Theo ước tính của chúng tôi, lãi suất tăng 1% sẽ khiến lợi nhuận trước thuế của PTB giảm 2%. Chúng tôi nhận thấy lợi nhuận của PTB đã chạm đáy trong Q2/2023, tuy nhiên sự phục hồi không mạnh vào năm 2024. PTB đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2023 và 2024 lần lượt là 10,2x và 9,05x, thấp hơn so với các công ty cùng ngành (11x). Chúng tôi áp dụng hệ số P/E bình quân cho ngành gỗ là 11x và ngành đá là 10x và đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm cho cổ phiếu PTB là **61.600 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 6,6%). Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu PTB.

Trong ngắn hạn, tăng trưởng lợi nhuận nửa cuối năm 2023 (+21% svck) sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu. Bất kỳ tin tức nào liên quan đến sự phục hồi nhu cầu ở thị trường xuất khẩu sẽ là tín hiệu tích cực cho giá cổ phiếu.

Rủi ro (1) Nhu cầu gỗ phục hồi chậm hơn dự kiến ở Mỹ và Châu Âu; và (2) Cạnh tranh trong ngành đá khi các doanh nghiệp đá quy mô nhỏ bán sản phẩm đá granite với giá thấp.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	168	136	272	255
+ Đầu tư ngắn hạn	113	54	27	40
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	824	929	793	810
+ Hàng tồn kho	1.440	1.859	1.757	1.649
+ Tài sản ngắn hạn khác	193	202	206	238
Tổng tài sản ngắn hạn	2.738	3.180	3.055	2.992
+ Các khoản phải thu dài hạn	19	24	28	27
+ GTCL Tài sản cố định	1.463	1.780	1.796	1.801
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	250	113	38	158
+ Đầu tư dài hạn	10	15	15	15
+ Tài sản dài hạn khác	293	319	301	290
Tổng tài sản dài hạn	2.036	2.251	2.183	2.291
Tổng tài sản	4.774	5.431	5.238	5.282
+ Nợ ngắn hạn	2.462	2.665	2.310	2.085
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>1.397</i>	<i>1.620</i>	<i>1.476</i>	<i>1.358</i>
+ Nợ dài hạn	321	376	167	354
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>307</i>	<i>358</i>	<i>152</i>	<i>337</i>
Tổng nợ phải trả	2.783	3.040	2.477	2.439
+ Vốn góp	486	486	680	680
+ Thặng dư vốn cổ phần	162	24	24	24
+ Lợi nhuận chưa phân phối	380	535	493	466
+ Quỹ khác	1.032	1.273	1.488	1.673
Vốn chủ sở hữu	1.991	2.391	2.761	2.843
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	4.774	5.431	5.238	5.282

Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	830	160	735	212
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-498	-363	-209	-137
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-291	172	-389	-92
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	41	-32	137	-17
Tiền đầu kỳ	127	168	136	272
Tiền cuối kỳ	168	136	273	255

Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,11	1,19	1,32	1,43
Hệ số thanh toán nhanh	0,53	0,5	0,56	0,64
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,07	0,05	0,12	0,12
Nợ ròng / EBITDA	1,95	1,76	1,27	1,59
Khả năng thanh toán lãi vay	5,35	6,42	4,6	4,59
Ngày phải thu	53,7	52,2	42	55,1
Ngày phải trả	43,3	44,9	28,5	35,9
Ngày tồn kho	117,9	134,7	120	141,8

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,42	0,44	0,53	0,54
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,58	0,56	0,47	0,46
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,4	1,27	0,9	0,86
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,86	0,83	0,59	0,6
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,7	0,68	0,53	0,48

Nguồn: PTB, SSI ước tính

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	5.601	6.492	6.887	5.368
Giá vốn hàng bán	-4.460	-5.039	-5.346	-4.244
Lợi nhuận gộp	1.141	1.453	1.540	1.124
Doanh thu hoạt động tài chính	24	61	45	32
Chi phí tài chính	-106	-120	-171	-141
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-422	-550	-563	-323
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-197	-205	-233	-191
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	439	638	619	501
Thu nhập khác	23	12	-5	5
Lợi nhuận trước thuế	462	650	614	506
Lợi nhuận ròng	379	526	502	418
Lợi nhuận chia cho cổ đông	359	512	487	400
Lợi ích của cổ đông thiểu số	21	14	15	18
EPS cơ bản (VND)	7.709	7.657	7.162	6.091
Giá trị sổ sách (VND)	40.960	49.193	40.584	41.809
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	3.000	3.000	3.000	3.500
EBIT	569	771	785	647
EBITDA	789	1.046	1.064	906

Tăng trưởng				
Doanh thu	1,0%	15,9%	6,1%	-17,2%
EBITDA	-5,3%	35,5%	3,8%	-14,8%
EBIT	-11,5%	39,7%	4,7%	-17,5%
Lợi nhuận ròng	-17,0%	38,6%	-4,5%	-16,8%
Vốn chủ sở hữu	7,9%	20,1%	15,5%	3,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	40,0%	-0,1%
Tổng tài sản	10,3%	13,8%	-3,5%	0,8%

Định giá				
PE	4,9	8,6	5,6	9,1
PB	0,9	1,3	1	1,3
Giá/Doanh thu	5,1	6,3	5,6	6,8
Tỷ suất cổ tức	8,0%	5,0%	7,0%	6,5%
EV/EBITDA	4,7	6,3	5,8	6,1
EV/Doanh thu	0,8	1,1	0,9	0,9

Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	20,4%	22,4%	22,4%	20,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	7,8%	9,8%	9,0%	9,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	6,8%	8,1%	7,3%	7,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	7,5%	8,5%	8,2%	6,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,5%	3,2%	3,4%	3,6%
ROE	19,1%	22,0%	18,2%	14,7%
ROA	7,9%	9,7%	9,6%	7,9%
ROIC	16,0%	14,0%	17,0%	14,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Gõ

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên cao cấp Phân tích Cổ phiếu

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietltt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043